

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Mã số: NLKTTN.024

Tên tiếng Anh: Environmental and Natural Resource Economics

2. Số tín chỉ: 2

3. Đối tượng: Sinh viên chính quy ngành Phát triển nông thôn – Hệ Đại học.

4. Phân bổ thời gian

Tên đơn vị tín chỉ	Phân bổ số tiết				Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập	
1	11	1	3	0	15
2	7	6	2	0	15
Tổng	18	7	5	0	30

5. Điều kiện tiên quyết: Tài nguyên và môi trường nông thôn.

6. Mục tiêu học phần

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành PTNT những kiến thức chung về kinh tế tài nguyên môi trường và các biện pháp quản lý tài nguyên môi trường
- Về kỹ năng: Có khả năng phân loại, đánh giá giá trị tài nguyên môi trường
- Về thái độ, chuyên cần: Lên lớp đầy đủ, chủ động trong việc tham gia làm bài tập nhóm, hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân được giao.

Chuẩn đầu ra của học phần: Có khả năng tiếp cận được các kiến thức về kinh tế tài nguyên và môi trường cần thiết cho công tác tổng hợp, phân tích, đánh giá và quản lý tài nguyên môi trường; đảm bảo theo quy định chuẩn đầu ra của ngành.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kinh tế Tài nguyên và Môi trường cung cấp các kiến thức khái quát về kinh tế tài nguyên và môi trường, kinh tế tài nguyên có thể tái tạo, kinh tế tài nguyên không thể tái tạo, kinh tế ô nhiễm môi trường, các phương pháp đánh giá giá trị tài nguyên môi trường cũng như các công cụ và chính sách quản lý tài nguyên và môi trường.

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia $\geq 80\%$ số giờ giảng dạy trên lớp;
- Đọc trước tài liệu liên quan tới nội dung buổi học;

- Tham gia đầy đủ các buổi thực hành, thảo luận;
- Làm đầy đủ các bài kiểm tra – thi kết thúc môn học;
- Khuyến khích tham gia, trao đổi trong lúc giảng bài và thảo luận nhóm;
- Phải nghiên cứu trước bài giảng, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng.

9. Tài liệu học tập

* Tài liệu chính:

- 1) Nguyễn Văn Song, Vũ Thị Phương Thụy, Nguyễn Mậu Dũng (2006); *Giáo trình kinh tế tài nguyên môi trường*, Nxb Nông nghiệp
- 2) Lê Thạc Cán, Nguyễn Duy Hồng, Hoàng Xuân Cơ (2004); *Kinh tế môi trường*; Nxb Thống kê

* Tài liệu tham khảo:

- 1) Hoàng Xuân Cơ (2005); *Giáo trình Kinh tế Môi trường*; NXB Giáo dục
- 2) Nguyễn Thế Chinh (2003); *Giáo trình kinh tế và quản lý môi trường*, Nxb Thống kê
- 3) Đặng Thanh Hà (2004); *Kinh tế tài nguyên môi trường*. Trường Đại học Nông Lâm. Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 4) PGS. Bùi Xuân HỒI (2013); *Kinh tế tài nguyên và môi trường* . Bộ môn Kinh tế năng lượng - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- 5) Lê Ngọc Uyên, Đoàn Thị Mỹ Hạnh, Hoàng Đình Thảo Vi (2009) *Kinh tế Tài nguyên và Môi trường*. Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Quy định các hình thức kiểm tra, thi

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
<i>Chuyên cần, thái độ</i>			
1	- Tham gia trên lớp đạt 80% thời gian. - Chuẩn bị bài tốt - Tích cực thảo luận, tham gia phát biểu xây dựng bài giảng...	Điểm danh, gọi tên hỏi bài, quan sát đánh giá.	
<i>Kiểm tra thường xuyên</i>			
2	Tự nghiên cứu: Tất cả các chương sinh viên đều phải tự chuẩn bị trước ở nhà.	Kiểm tra kiến thức đã được chuẩn bị trước ở nhà thông qua các câu hỏi	

		ngay tại lớp để đánh giá, cho điểm.	
3	Bài kiểm tra: kiểm tra ngẫu nhiên các nội dung đã được học - Tín chỉ 1 - Tín chỉ 2	- Viết	
<i>Các bài thi</i>			
4	Thi kết thúc học phần	Viết	

11. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và thông báo số 698 ngày 26/04/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng được mô tả ở bảng sau:

Nội dung	Chuyên cần, thái độ	Kiểm tra thường xuyên		Thi kết thúc học phần
		TC 1	TC 2	
Trọng số	20%	10 %	10%	60%

12. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (2LT, 1TL)

- 1.1. Tài nguyên môi trường và phát triển kinh tế
 - 1.1.1. Khái niệm và phân loại về tài nguyên và môi trường
 - 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế tài nguyên môi trường
 - 1.1.3. Quan hệ giữa kinh tế và tài nguyên môi trường
- 1.2. Nguyên nhân cơ bản gây ô nhiễm và suy thoái môi trường

CHƯƠNG 2: KINH TẾ TÀI NGUYÊN CÓ THỂ TÁI TẠO (3LT, 1TL)

- 2.1. Lý thuyết chung về kinh tế tài nguyên có thể tái tạo
 - 2.1.1. Đặc điểm tài nguyên có thể tái tạo
 - 2.1.2. Mối quan hệ phát triển bền vững và tài nguyên có thể tái tạo
- 2.2. Các mô hình kinh tế sử dụng tối ưu tài nguyên có thể tái tạo
 - 2.2.1. Mô hình kinh tế tài nguyên đất
 - 2.2.2. Mô hình kinh tế tài nguyên nước
 - 2.2.3. Mô hình kinh tế tài nguyên rừng
 - 2.2.4. Mô hình kinh tế tài nguyên thủy sản
- 2.3. Những vấn đề sử dụng tài nguyên có thể tái tạo ở Việt Nam

CHƯƠNG 3: KINH TẾ TÀI NGUYÊN KHÔNG THỂ TÁI TẠO (2LT, 1TL, 1BT)

- 3.1. Giới thiệu chung về tài nguyên không thể tái tạo
 - 3.1.1. Đặc điểm tài nguyên không thể tái tạo

- 3.1.2. Các vấn đề cơ bản của tài nguyên không thể tái tạo
- 3.2. Can thiệp về giá trong sử dụng hiệu quả tài nguyên không thể tái tạo [11]

CHƯƠNG 4: KINH TẾ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG (4LT, 3BT)

- 4.1. Các ngoại ứng và tính phi hiệu quả của ngoại ứng trong thị trường
 - 4.1.1. Ngoại ứng và phân loại ngoại ứng
 - 4.1.2. Tính phi hiệu quả của ngoại ứng và hàng hoá công cộng ở thị trường
- 4.2. Ngoại ứng tối ưu- các công cụ kinh tế kiểm soát ô nhiễm môi trường
 - 4.2.1. Ô nhiễm tối ưu
 - 4.2.2. Ngoại ứng và quyền sở hữu theo lý thuyết Ronald Coase
 - 4.2.3. Thuế ô nhiễm và ô nhiễm tối ưu
 - 4.2.4. Tiêu chuẩn môi trường
 - 4.2.5. Trợ cấp
 - 4.2.6. Biện pháp kinh tế giảm nhẹ ô nhiễm
 - 4.2.7. Giấy phép được thải
- 4.3. Tình hình và khả năng kiểm soát ô nhiễm môi trường ở Việt Nam

CHƯƠNG 5: CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG (4LT, 3BT)

- 5.1. Phương pháp phân tích lợi ích – chi phí
 - 5.1.1. Khái niệm về phân tích lợi ích – chi phí
 - 5.1.2. Nguyên tắc quyết định của xã hội
 - 5.1.3. Phân tích lợi ích – chi phí theo thời gian
- 5.2. Các phương pháp khác
 - 5.2.1. Phương pháp đánh giá ngẫu nhiên
 - 5.2.2. Phương pháp chi phí du hành
 - 5.2.3. Phương pháp định giá hưởng thụ
 - 5.2.4. Phương pháp chi phí cơ hội
 - 5.2.5. Phương pháp chi phí thay thế
 - 5.2.6. Phương pháp chi trả của chính phủ
 - 5.2.7. Phương pháp nhân – quả
 - 5.2.8. Phương pháp chi phí thay đổi

CHƯƠNG 6: CÁC CÔNG CỤ VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (3LT, 2TL)

- 6.1. Công cụ mệnh lệnh – hành chính và tuyên truyền, giáo dục
 - 6.1.1. Mệnh lệnh và kiểm soát
 - 6.1.2. Giáo dục và tuyên truyền bảo vệ môi trường
- 6.2. Các công cụ kinh tế – tài chính
 - 6.2.1. Nguyên tắc “Người gây ô nhiễm phải trả tiền”
 - 6.2.2. Các công cụ kinh tế trực tiếp
 - 6.2.3. Các công cụ tài chính